TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:82/2022/QĐST-HNGĐ	*Bỉm sơn, ngày 04 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:113/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Công C; Sinh năm 1982

Trú tại: SN 158 đường B, khu phố 6, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu ; Sinh năm 1982

Trú tại: SN 158 đường B, khu phố 6, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải ngày 27 tháng 10 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Công C và chị Lê Thị T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Công C và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- **Về con cái:** Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Trần Thị T(Giới tính: nữ) sinh ngày 18/8/2003 và Trần Mạnh H(Giới tính: nam) sinh ngày 28/7/2010. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị

Thu mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2022 cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên(đủ 18 tuổi).

Cháu Trần Thị T đã thành niên nên anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Trần Công C nộp 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, Chị Lê Thị T phải nộp 75 000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh Trần Công C nộp thay án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lê Thị T được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bỉm Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0005214 ngày 27/9/2022. Như vậy anh Trần Công C, chị Lê Thị T đã thi hành xong khoản án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. ***Quyết định này đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.***

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát Bỉm Sơn;
- UBND xã Q(11/11/2002);
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ